

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÙ YÊN  
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 14-6-2024.

V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Lý Thị Dung.
- Bà Đinh Thị Minh Thuý.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2024//TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990.  
Địa chỉ: Đội 02 bản YT, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.
- Bị đơn: Anh Bùi Văn V; sinh năm 1983.

Địa chỉ: Đội 01, bản KT, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La), Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 15/01/2024 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày như sau:**

Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn V kết hôn với nhau ngày 07 tháng 01 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Khi kết hôn hai anh, chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không thuộc các trường hợp cấm kết hôn. Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 5 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tôn trọng, tin tưởng nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Hai anh, chị đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị Nguyễn Thị N làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn V.

Về con chung: Hai anh chị có 04 con chung, con thứ nhất là cháu Bùi Tố **U**, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2009, con thứ hai là cháu Bùi Thị Tường V, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2010, cháu thứ ba là Bùi Văn Z, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2013 và cháu thứ tư là Bùi Đức T, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2017. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Tố **U** và cháu Bùi Thị Tường V đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động và nhường quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Văn Z và cháu Bùi Đức T cho anh Bùi Văn V. Về cấp dưỡng, chị Nguyễn Thị N không yêu cầu anh Bùi Văn V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Chị và anh tự thỏa thuận phân chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh tự thỏa thuận phân chia, thanh toán, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

**Tại Biên bản xác minh lập ngày 07/3/2024 với bà Lê Thị L là mẹ đẻ của anh Bùi Văn V, biên bản xác minh lập ngày 07/3/2024 với chính quyền địa phương bản KT, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xác định:**

Về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như ý kiến của chị Nguyễn Thị N trình bày. Trong quá trình chung sống đến năm 2018 vợ chồng anh, chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không tin tưởng nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Hai anh, chị đã sống ly thân từ ngày năm 2018 cho đến nay, anh chị không còn quan T, chăm sóc tới nhau.

Về con chung: Hai anh chị có 04 con chung, con thứ nhất là cháu Bùi Tố **U**, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2009, con thứ hai là cháu Bùi Thị Tường V, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2010, cháu thứ ba là Bùi Văn Z, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2013 và cháu thứ tư là Bùi Đức T, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2017 như chị Nguyễn Thị N khai. Nếu ly hôn đề nghị Toà án xem xét theo nguyện vọng của các cháu và xem xét bên nào đảm bảo cho sự phát triển của cháu, thì giao cho bên đó được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Chị Nguyễn Thị N có nguyện vọng tự thỏa thuận phân chia, thanh toán, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong cả quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi Văn V, có đăng ký hộ khẩu thường trú, có mặt tại bản KT, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, đã nhận được bản phô tô Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy khai sinh của con, đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 24/2024/TB-TA ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố tình vắng mặt.

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên như sau:**

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, nghị án Thẩm phán và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn, từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Đối với bị đơn, sau khi thụ lý vụ án bị đơn đã được Toà án thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn biết về việc khởi kiện của nguyên đơn, đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Toà án và được Toà án triệu tập lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt. Toà án áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án là đúng với quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án như sau: Căn cứ Điều 56, 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử cho Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Bùi Văn V.

- Về con chung: Giao cháu Bùi Tố U, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2009, cháu Bùi Thị Tường V, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2010 cho Chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Giao cháu Bùi Văn Z, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2013 và cháu Bùi Đức T, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2017 cho Anh Bùi Văn V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với Chị Nguyễn Thị N và Bùi Văn V. Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Anh, chị tự thỏa thuận phân chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn anh Bùi Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án về phía bị đơn anh Bùi Văn V đã cố tình trốn tránh không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Ngày 07 tháng 3 năm 2024 Tòa án đã tiến hành xác minh với chính quyền địa phương được biết. Việc Tòa án tiến hành triệu tập đối với anh Bùi Văn V, anh Bùi Văn V và gia đình có nhận được giấy triệu tập của Tòa án, gia đình, trưởng bản đã thông báo, đã giải thích, động viên, thuyết phục để anh Bùi Văn V chấp hành pháp luật nhưng anh Bùi Văn V cố tình không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn V kết hôn với nhau ngày 07 tháng 01 năm 2008. Khi kết hôn hai anh, chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không thuộc các trường hợp cấm kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Do đó quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn V là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2018 vợ chồng anh, chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không tin tưởng nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Hai anh, chị đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không bên nào chăm lo đến cuộc sống chung của gia đình. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Bùi Văn V.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn V có 04 con chung là con thứ nhất là cháu Bùi Tố U, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2009, con thứ hai là cháu Bùi Thị Tường V, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2010, cháu thứ ba là Bùi Văn Z, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2013 và cháu thứ tư là Bùi Đức T, sinh ngày 29 tháng

01 năm 2017. Chị Nguyễn Thị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Tố U, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2009, cháu Bùi Thị Tường V, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2010 và không đề nghị cấp dưỡng. Cháu Bùi Văn Z, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2013 và cháu Bùi Đức T, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2017 hiện nay đang sống cùng với anh Bùi Văn V.

Xét thấy, Cháu Bùi Tố U, cháu Bùi Thị Tường V có nguyện vọng được sống cùng chị Nguyễn Thị N. Cháu Bùi Văn Z và cháu Bùi Đức T đang sống cùng anh Bùi Văn V. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung cần giao cháu Cháu Bùi Tố U, cháu Bùi Thị Tường V cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động. Giao cháu Bùi Văn Z và cháu Bùi Đức T cho anh Bùi Văn V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Do cả hai anh, chị đều trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chưa có yêu cầu đề nghị gì do đó cần tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn V.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng và nợ chung: Anh, chị tự thỏa thuận, phân chia, thanh toán không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Bùi Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Tố U, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2009, cháu Bùi Thị Tường V, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2010 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu thành niên, (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động.

Giao cháu Bùi Văn Z, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2013, cháu Bùi Đức T, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2017 cho anh Bùi Văn V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu thành niên, (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn V.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Anh, chị tự thỏa thuận phân chia, thanh toán không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La theo biên lai thu tiền số: BLTU/0000527 ngày 26 tháng 02 năm 2024.

5. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 14/6/2024).

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên;
- Chi cục THADS huyện Phù Yên;
- UBND xã TL, huyện Phù Yên  
(đề vào sổ hộ tịch) ;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Anh Đức**